

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v ban hành đơn giá tạm thời về dịch vụ công ích: Thu gom, xử lý rác thải nông thôn trên địa bàn tỉnh Vinh Phúc.

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Thông tư số 06/2008/TT-BXD ngày 20/3/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Căn cứ Thông tư số 154/2010/TT-BTC ngày 01/10/2010 của Bộ Tài chính ban hành quy chế tính giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Công văn số 2272/BXD-VP ngày 10/11/2008 của Bộ Xây dựng công bố định mức dự toán thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 33/TTr-STC ngày 25/01/2011,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành đơn giá tạm thời dịch vụ công ích: Thu gom, xử lý rác thải nông thôn trên địa bàn tỉnh Vinh Phúc, cụ thể như sau:

**1. Nhân công thu gom, vận chuyển rác:**

Số TT	LOẠI CÔNG VIỆC	Đơn vị tính	Định mức nhân công	Thành tiền (Đồng)
1	Thu gom rác thải của các hộ gia đình dọc theo đường làng, ngõ xóm	km đường (ngõ)	1,2 đến 1,5 công	98.640 đến 106.864
2	Xúc rác ở điểm tập kết lên xe vận chuyển	tấn rác	0,6 đến 0,7 công	49.320 đến 57.542
3	Vận chuyển rác đến đại điểm xử lý (cụ ly được tính từ ven làng, ven xóm đến địa điểm xử lý)	tấn rác/km đường	0,28 đến 0,32 công	23.000 đến 26.300

**2. Chi phí vật liệu, nhân công phục vụ xử lý rác:**

Số TT	LOẠI CÔNG VIỆC	Đơn vị tính	Tiền vật liệu (Đồng)	Tiền nhân công (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
1	Chôn lấp, xử lý rác thải	tấn rác	23.750	4.932	28.682

2	Thuốc diệt ruồi Sant USA 12.SEC và nhân công phun (tần suất cao nhất là 3 ngày/lần, phạm vi phun bên trong và khu vực bên ngoài bãi rác trong vòng 50 m trở lại)	100 m <sup>2</sup>	40.000	246	40.246
3	Phun chế phẩm xử lý LTH 100 (tần suất cao nhất là 2 ngày/lần và phạm vi phun là bề mặt đồng rác mới đưa về)	100 m <sup>2</sup>	0	246	246

### 3. Phương pháp tính:

3.1. Lượng rác thu gom, vận chuyển và xử lý được xác định bằng cách sử dụng các phương tiện đo lường (kg) hoặc có thể xác định dựa trên việc tính toán theo công thức:

$$M_{\text{rác thải}} = N \times T \times K$$

Trong đó: - M: Tổng khối lượng rác (kg)/ngày;

- N: Số người dân đã được thu gom rác;

- T: Thời gian tính theo ngày;

- K: Hệ số xả rác của 01 người trong 01 ngày đêm, K = 0,7 kg.

3.2. Nhân công được tính theo cấp bậc thợ bình quân là 4/7 (tương đương với nhân công lao động phổ thông), đơn giá: 82.203 đồng/công.

**Điều 2.** Giao Sở Tài chính, Sở Tài nguyên Môi trường hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện đơn giá tạm thời nói tại Điều 1; Trong quá trình áp dụng nếu có biến động về giá (vật tư, hóa chất và lương tối thiểu) đến 20% giá chi phí dịch vụ, Sở Tài chính trình UBND tỉnh điều chỉnh giá dịch vụ theo quy định hiện hành

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên Môi trường, Kế hoạch Đầu tư, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- TTTU, TTHĐND tỉnh (B/c);
- CPCT, CPVP;
- Như Điều 3;
- CV: KT2;
- Lưu VT;
- (35b). *ll*


  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**  
  
**Đặng Quang Hồng**